

KẾ HOẠCH
Về việc thực hiện Quy chế công khai trong nhà trường
Theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT Năm học 2024-2025

Căn cứ Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo “Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân”;

Căn cứ công văn Số 146/PGDĐT ngày 07/02/2023 của phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Châu Đốc về việc thực hiện công khai trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Châu Đốc.

Trường Tiểu học Bán trú Hùng Vương xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

- Thông qua các hoạt động thực hiện quy chế công khai trong trường học nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy quyền làm chủ, tự chịu trách nhiệm, thực hiện giám sát các hoạt động theo quy chế dân chủ cơ sở, chấp hành nghiêm túc các quy định của cấp trên.

- Phát huy khả năng tự học và tinh thần sáng tạo, năng động trong việc tìm tòi kiến thức để nâng cao trình độ tay nghề.

- Tự điều chỉnh kịp thời các sai phạm, hay thiếu sót trong quản lý điều hành của ban giám hiệu, các tổ chức đoàn thể, giáo viên trong nhà trường.

- Tạo điều kiện cho xã hội tham gia giám sát, hỗ trợ nhà trường trong công tác giáo dục.

- Thực hiện công khai phải đảm bảo đầy đủ, chính xác, cụ thể, rõ ràng về nội dung, hình thức và thời điểm theo quy định của Quy chế thực hiện công khai.

II. NỘI DUNG:

1. Thành lập ban chỉ đạo thực hiện qui chế công khai (Có quyết định kèm theo)

- Ban chỉ đạo của trường do Hiệu trưởng làm trưởng ban, Phó hiệu trưởng và Chủ tịch công đoàn là các phó ban, trưởng các bộ phận là thành viên của Ban chỉ đạo.

- Trưởng ban tổ chức triển khai, quán triệt nội dung Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT trong Hội đồng sư phạm nhà trường.

- Các thành viên trong Ban chỉ đạo thực hiện theo sự phân công của Trưởng, Phó ban. Căn cứ Quy chế công khai ban hành theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo để tiến hành thu thập thông tin, số liệu kê khai theo các biểu mẫu 05, 06, 07, 08. Báo cáo nội dung: Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học; Công khai thông tin chất lượng giáo dục của trường tiểu học thực tế; Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học; Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học.

- Các phó ban và thành viên thanh tra giúp trưởng ban thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thành viên Ban chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Quy chế và văn bản hướng dẫn thực hiện kế hoạch công khai của Phòng Giáo dục và đào tạo.

2. Phân công nhiệm vụ của các thành viên.

- Trưởng ban: Tổ chức triển khai Thông tư 36 và Quy chế công khai vào đầu năm học trước Hội đồng sư phạm và điều hành báo cáo thu chi tài chính.

- Phó ban thường trực: Chỉ đạo trực tiếp các thành viên tiến hành điều tra thông tin, thu thập số liệu cập nhật vào các biểu mẫu số 05, 06, 07, 08; tổng hợp chất lượng giáo dục; Tổ chức kiểm tra và nhập thông tin.

- Phó ban giám sát: Thực hiện chức năng giám sát các cá nhân, đầy đủ hay không; Tập hợp các loại hồ sơ để niêm yết công khai như: Nội quy, quy chế làm việc, quy chế dân chủ, quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường, bảng tổng hợp chất lượng giáo dục, bảng phân công lao động; Kiểm tra thời gian tổ chức công khai, địa điểm công khai và thường xuyên báo cáo Trưởng ban về tình hình triển khai thực hiện Quy chế.

- Thư kí: Tổng hợp thông tin báo cáo kết quả thực hiện quy chế. Ghi chép các cuộc họp ban chỉ đạo và hội đồng sư phạm, giúp trưởng ban hoàn thành kế hoạch thực hiện Quy chế công khai:

3. Tổ chức thực hiện:

- Thông qua Hội nghị CB-VC đầu năm:

+ Giáo viên đăng ký chất lượng của nhóm lớp và danh hiệu thi đua cá nhân.

+ Tổ Chuyên môn đăng ký chất lượng hoạt động của tổ về chất lượng chăm sóc, giáo dục, chất lượng các hội thi, kế hoạch bồi dưỡng giáo viên, phương pháp nâng cao chất lượng giáo dục của tổ.

+ Công đoàn, phát động thi đua tạo không khí tích cực học tập, rèn luyện trong đội ngũ cán bộ giáo viên và học sinh.

- Tổng hợp chất lượng chăm sóc- giáo dục vào cuối học kỳ và cuối năm có so sánh đánh giá phân tích kết quả so với những năm trước để thực hiện công khai.

- Thực hiện đánh giá phân loại giáo viên nhân viên hàng năm để thực hiện công khai chất lượng đội ngũ.

4. Các nội dung công khai:

4.1. Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học

a) Cam kết chất lượng giáo dục: (Theo Biểu mẫu 05).

b) Công khai thông tin chất lượng giáo dục của trường tiểu học thực tế: (Thực hiện theo Biểu mẫu 06).

4.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục:

a) Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học: (Thực hiện theo Biểu mẫu 07).

b) Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học: (Thực hiện theo Biểu mẫu 08).

4.3. Công khai thu chi tài chính:

a) Tình hình tài chính:

- Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

- Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018.

- Công khai tình hình hoạt động tài chính, mức thu hoạt động Bán trú, các khoản thu khác theo từng năm, số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ cho cơ sở giáo dục, các khoản thu từ viện trợ, tài trợ, quà biếu, tặng, các khoản phải nộp cho ngân sách nhà nước.

b) Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo lương, giờ buổi, chi hoạt động; chi công tác chuyên môn, chi tham gia các lớp bồi dưỡng, đào tạo.

c) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về bảo hiểm y tế đối với học sinh.

4.4. Về hình thức và thời điểm công khai

- Niêm yết công khai tại bảng thông báo và trang thông tin điện tử của nhà trường.

- Thời điểm công bố là đầu năm học (tháng 9), hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

- Bất cứ lúc nào, cha mẹ học sinh và những người quan tâm đều có thể tiếp cận các thông tin trên. Để chuẩn bị cho năm học mới, nhà trường có thể cung cấp thêm các thông tin liên quan khác để cha mẹ học sinh nắm rõ và phối hợp thực hiện.

- Đối với học sinh tuyển mới: phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh và ra thông báo công khai được niêm yết tại trường và các địa bàn trước khi tuyển sinh.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Hiệu trưởng: Chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định theo Quy chế và kế hoạch đề ra. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

- Thông qua hội nghị CB-VC đầu năm.

- Thực hiện đánh giá phân loại GV hàng năm để thực hiện công khai chất lượng đội ngũ.

- Kế hoạch sẽ có điều chỉnh khi có biến đổi lớn về nhân sự và có thông tư mới đề thay cho thông tư này (Thông tư số: 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28-12-2017 của BGD và Đào tạo “Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với CSGD của hệ thống GD quốc dân”).

2. Phó Hiệu trưởng: Chịu trách nhiệm về nội dung 4.1, 4.2 (công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế; công khai cơ sở vật chất, tình hình đội ngũ giáo viên).

Tổng hợp kết quả học tập và hạnh kiểm của học sinh vào cuối học kỳ và cuối năm có so sánh đánh giá phân tích kết quả so với những năm trước để thực hiện công khai, so với chất lượng đăng ký đầu năm học.

3. Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Đội phát động thi đua tạo không khí tích cực học tập, rèn luyện trong đội ngũ giáo viên và học sinh. Các bộ phận đăng ký thi đua trong năm.

4. Tổ chuyên môn đăng ký chất lượng hoạt động của tổ và số lượng học sinh đạt giải trong các hội thi, kế hoạch bồi dưỡng GV, phương pháp nâng cao chất lượng giáo dục của tổ (thực hiện chuyên đề, thao giảng, số tiết dự giờ, ...)

5. Giáo viên đăng ký chất lượng môn dạy, chất lượng lớp CN và các danh hiệu thi đua cá nhân.

6. Kế toán phụ trách công khai các khoản thu chi về tài chính (nội dung 4.3);

Trên đây là kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong quá trình thực hiện lãnh đạo nhà trường sẽ có điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT (để b/c);
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Thu Sương

UBND THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TRƯỜNG THBT HÙNG VƯƠNG

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	68	1	2	1	2
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	70	70	103	72	92
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	70	70	103	72	92
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	70	70	103	72	92
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	70	70	103	72	92
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	70	70	103	72	92

Châu Phú A, ngày 05 tháng 9 năm 2024



Thủ trưởng đơn vị

Lê Thị Thu Sương

UBND THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TRƯỜNG THBT HÙNG VƯƠNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	407	70	70	103	72	92
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	407	70	70	103	72	92
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	407	70	70	103	72	92
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	368 90,42%	68 97,14%	65 92,86%	97 94,17%	72 100%	84 91,3%
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	21 5,16%	02 2,86%	5 7,14%	6 5,83%	0 0%	8 8,7%
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	407	70	70	103	72	92
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	355 87,22%	68 97,14%	65 92,86%	97 94,17%	55 76,39%	70 76%
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	49 12,04%	0 0%	05 7,14%	06 5,83%	16 22,22%	22 24%
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	3 0,74%	02 2,86%	0 0%	0 0%	01 1,39%	0 0%
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	407	70	70	103	72	92
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	404 99,26%	68 97,14%	70 100%	103 100%	71 98,61%	92 100%
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	353 86,73%	66 94,29%	65 92,86%	97 94,17%	55 76,39%	70 76%
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	47 11,55%	02 2,86%	10 21,43	15 14,56%	10 13,89%	10 10,8%
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	3 0,74%	02 2,86%	0 0%	0 0%	01 1,39%	0 0%

Châu Phú A, ngày 05 tháng 9 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

TRƯỜNG THBT HÙNG VƯƠNG

Lê Thị Thu Sương

UBND THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TRƯỜNG THBT HÙNG VƯƠNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp		Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	13	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ	0	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	1.308	3,2m ² /học sinh
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	712	1,7m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	518	1,2m ² /học sinh
2	Diện tích thư viện (m ²)	40	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	0	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	34	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	48	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	0	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	0	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	07	07/12
1.1	Khối lớp 1	02	02/02
1.2	Khối lớp 2	02	02/02

1.3	Khối lớp 3	03	03/03
1.4	Khối lớp 4	0	0/02
1.5	Khối lớp 5	0	0/03
2	<i>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định</i>	05	
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	0	
2.4	Khối lớp 4	02	
2.5	Khối lớp 5	03	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	14	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	12	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0	
5	Thiết bị khác	0	
6	Màn hình tương tác	02	

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	58
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	7 phòng, 256 m ²	407	0,62
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*		0	1	0	24
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Châu Phi A, ngày 05 tháng 9 năm 2024
Thủ trưởng đơn vị



[Signature]
Lê Thị Thu Sương